

Bản án số: 124/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2026
V/v tranh chấp về Hôn nhân
và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Thôn T (nay là thôn B), xã T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Viết T, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Thôn V (nay là thôn V), xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

(Chị T và anh T đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn là chị Dương Thị T trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Viết T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 26/5/2020. Sau khi kết hôn do điều kiện công việc nên chị và anh T thường xuyên sống xa nhau, vợ chồng không quan tâm nhiều đến nhau nên không xây dựng

được cuộc sống gia đình hạnh phúc đúng nghĩa. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu Tẫn, nguyên nhân mâu Tẫn do vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau, không có tiếng nói chung về vun vén kinh tế cũng như chăm sóc con chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có hạnh phúc. Từ khi chị mang thai và sinh con không nhận được sự hỗ trợ và quan tâm từ phía anh T, thi thoảng anh T đón con về chơi thì chị cũng phải lo liệu chu cấp chi phí sinh hoạt cho con, anh T cũng không quan tâm đến gia đình bên vợ. Mâu Tẫn đã được gia đình hai bên khuyên bảo động viên nhưng anh T không thay đổi nên mâu Tẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể trở lại đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn A, sinh ngày 28/10/20xx. Tại đơn khởi kiện và bản tự chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 5.000.000 đồng. Tuy nhiên quá trình giải quyết tại Tòa án anh T không có ý kiến trình bày quan điểm về việc ly hôn và nuôi con nên tại Đơn đề nghị ngày 29/5/2026, chị thay đổi nguyện vọng, chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

* *Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị N, sinh năm 19xx; Trú tại: Thôn V (nay là thôn V), xã Đ, tỉnh Hưng Yên là mẹ đẻ của anh Nguyễn Viết T, nội dung lời khai của bà N xác nhận chị T và anh T tự nguyện kết hôn được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và anh chị đăng ký kết hôn vào năm 2020. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống cùng nhà bà một thời gian ngắn sau đó anh chị đi làm ăn ở tỉnh khác gửi con cho bà chăm sóc hộ, anh chị vẫn thường xuyên về thăm con. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị phát sinh mâu Tẫn nguyên nhân mâu Tẫn bà cũng không rõ nhưng có thấy anh chị cãi nhau và từ năm 2021 đến nay chị T và anh T không chung sống cùng nhau nữa, chị T sinh sống và làm việc ở đâu bà không rõ địa chỉ còn anh T về sống cùng bà. Bà cũng động viên, khuyên bảo nhưng hai anh chị không quay lại chung sống với nhau nữa. Hiện nay anh T ở cùng nhà với bà và đi làm ở địa phương, sáng đi tối về. Anh T đã nhận được thông báo thụ lý cùng giấy triệu tập của Tòa án và đã biết việc chị T giải quyết ly hôn anh tại Tòa án khu vực 7 - Hưng Yên, tuy nhiên anh T nói tùy chị T giải quyết, anh không đến Tòa án làm việc. Chị T và anh T có 01 con chung là Nguyễn A, sinh ngày 28/10/20xx, hiện nay cháu đang ở cùng bà và anh T, chị T cũng gửi tiền nuôi dưỡng con về nhờ bà chăm sóc cháu, thi thoảng chị T đón cháu về chơi. Nguyện vọng của bà được nuôi cháu còn quyết định như thế nào tùy anh T và chị T. Chị T và anh T không có tài sản chung và nợ chung. Do anh T đi làm từ sáng đến tối mới về nên bà đồng ý nhận các văn bản của Tòa án và cam kết giao lại ngay cho anh T.*

** Tại biên bản xác minh ở địa phương ngày 29/5/2026, đại diện chính quyền xã Đ, tỉnh Hưng Yên cung cấp:* Anh Nguyễn Viết T có nơi cư trú tại xã Đ, tỉnh Hưng Yên. Chị T và anh T tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa (Nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 26/5/2020. Sau khi kết hôn chị T và anh T sống ở gia đình anh T một thời gian ngắn sau đó cả hai đi làm ăn ở nơi khác nên nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh T như thế nào địa phương không nắm rõ, chỉ thấy thi thoảng anh T và chị T có về địa phương sau đó từ khoảng cuối năm 2021 đến nay không chị T về địa phương nữa. Anh T đi lao động tự do, vẫn thường xuyên ở địa phương ở cùng nhà mẹ anh là bà Nguyễn Thị Nhung. Chị T và anh T có 01 con chung là Nguyễn A, sinh ngày 28/10/20xx, cả hai anh chị lao động tự do, sức khỏe bình thường. Về tài sản chung: Địa phương không nắm rõ, không thấy cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào ý kiến về việc anh chị vay nợ. Đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện thực tế và quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày là từ bỏ quyền của mình.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án xử cho chị Dương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Viết T; giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn A, sinh ngày 28/10/2020, chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; chị T không yêu cầu chia tài sản nên không giải quyết; chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**** Về tố tụng:***

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Dương Thị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn - anh Nguyễn Viết T có nơi cư trú tại xã Đông Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Dương Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ. Anh Nguyễn Viết T đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa) và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 26/5/2020, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh T, Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù anh T không đến Tòa án trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng qua xác minh tại địa phương và lời khai của chị T cho thấy: Trong quá trình chung sống, do vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung về vun vén kinh tế cũng như chăm sóc con chung và anh T không quan tâm đến gia đình chị T nên giữa chị T và anh T đã xảy ra mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt và không có bất kỳ động T nào thể hiện mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh T là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về yêu cầu nuôi con khi ly hôn: Chị T và anh T có 01 con chung là Nguyễn A, sinh ngày 28/10/2020. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị có đủ điều kiện nuôi con nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T và ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án chia tài sản khi ly hôn, anh T không có ý kiến gì về tài sản, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về tài sản trong vụ án này.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273

Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Việt T.

2. Về con chung: Giao cho chị Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn A, sinh ngày 28/10/2020. Anh Nguyễn Việt T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Chị T và anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai T tiền tạm ứng án phí số 0002263 ngày 04/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên sang tiền án phí, chị T đã thi hành xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND khu vực 7 - Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã T;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Thị Diệu Thúy